

Bản án số: 299/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 31 - 5 - 2021.
Về việc tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Hòa.

Bà Lê Thị Thu Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 143/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST – HNGĐ ngày 17/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1985, chứng minh nhân dân số 00118500xxxx do Cục cảnh sát cấp ngày 31/3/2015.

Hộ khẩu thường trú: Thôn VĐ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Thôn CMiêu, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh tháng 7 năm 1978, chứng minh nhân dân số 00107800xxxx do Cục cảnh sát cấp ngày 31/3/2015.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn VĐ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội 11/01/2003. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại thôn VĐ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, ở chung cùng bố mẹ anh T. Quá trình chung sống thời gian đầu anh chị hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2018 trở lại đây giữa anh chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn.

Theo chị H trình bày: Từ tháng 4 năm 2018, anh T chơi bời, cờ bạc không tu chí làm ăn lại hay phá phách quán bán hàng của chị không cho chị bán hàng, dọa tạt a xít, chửi bới, xúc phạm chị. Gia đình hai bên đã nhiều lần dàn xếp cho anh chị nhưng không có kết quả vì chỉ một thời gian sau anh T lại tiếp tục những hành vi cũ không thay đổi. Năm 2019, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị H đã chuyển về ở tại nhà bố mẹ chị ở CM, TL cho đến nay. Chị xác định mâu thuẫn giữa anh chị không thể cải thiện và ngày càng trầm trọng nên xin ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Theo anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh chị mâu thuẫn kéo dài đã 04 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là chị H xin mở cửa hàng tại TL và thường xuyên về muộn, thậm chí ngủ lại tại quán bán hàng không về nhà khiến anh nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình. Vì nguyên nhân này mà anh chị lời qua tiếng lại nhưng anh không có chứng cứ gì để chứng minh chị ngoại tình. Từ ngày 04 tết năm 2021 do vợ chồng cãi vã chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở TL ở cho đến nay. Anh thừa nhận có những lúc bức tức anh có đến cửa hàng của chị gây khó khăn cho chị trong việc buôn bán. Từ khi chị H bỏ về nhà chị, anh chưa lần nào đến đón chị và nói chuyện với gia đình chị để vợ chồng đoàn tụ. Nay vợ anh làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý mà vẫn có nguyện vọng đoàn tụ cùng chị vì chị H chỉ bị xúi giục mà làm đơn xin ly hôn và anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị thống nhất xác định anh chị có hai con chung là: Nguyễn Văn T1, sinh ngày 22/4/2004 và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 12/4/2009. Các cháu khỏe mạnh, bình thường và từ khi anh chị sống ly thân, cháu T1 ở cùng anh T còn cháu T2 ở cùng chị H.

Theo chị Trần Thị H trình bày: Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung của anh chị và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị cho đến khi các con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị bán hàng tự do, thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/ 1 tháng còn bản thân anh T lười lao động nên thu nhập không có và bấp bênh.

Theo anh Nguyễn Văn T trình bày: Nếu phải ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung của anh chị và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh cho đến khi các con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Anh chị cùng thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày với Tòa án. Chị xác định anh chị không thể khắc phục mâu thuẫn để chung sống hạnh phúc. Bản thân anh T không chăm lo cho gia đình lại còn hay phá phách việc làm ăn của chị, gây rối gia đình chị khi chị về ở cùng bố mẹ chị. Gia đình anh T và chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không thay đổi do vậy chị xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 28, điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Văn T1 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Văn T2 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Trần Thị H phải chịu án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, dành quyền kháng cáo cho anh theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội ngày 11/01/2003 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại thôn VĐ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, ở chung cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2018 và sống ly thân từ tết năm 2021 cho đến nay.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh chị xác định có sự khác biệt nhưng đều thừa nhận là thời gian vợ chồng mâu thuẫn đã kéo dài, đã được gia đình hai bên hòa giải giúp đỡ nhưng không thể khắc phục mâu thuẫn. Chị H xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được các biện pháp cụ thể để cải thiện quan hệ vợ chồng, bản thân anh cũng thừa nhận dù vợ bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng anh không đến đón vợ về, không nhờ gia đình vợ can thiệp giúp đỡ mà tiếp tục có những hành động khiến vợ bức xúc như gây rối không cho vợ bán hàng. Kết quả xác minh tình trạng mâu thuẫn của anh chị cũng cho thấy trong quan hệ vợ chồng anh chị đã xảy ra những mâu thuẫn kéo dài khoảng 04 năm nay theo như anh chị thừa nhận, gia đình cũng đã nhiều lần khuyên giải anh chị nhưng anh chị không khắc phục được mâu thuẫn nên chị H đã dọn ra ngoài ở. Từ đó, cho thấy mức độ mâu thuẫn của anh chị ngày một trầm trọng hơn. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho anh chị nhưng anh T không đến tham gia phiên hòa giải. Từ những yếu tố trên cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng không thể khắc phục, thời gian ly thân kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân anh T dù xác định muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có các biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng và cũng không tham gia phiên hòa giải nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H với anh Nguyễn Văn T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là: Nguyễn Văn T1, sinh ngày 22/4/2004 và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 12/4/2009. Các con anh chị đều khỏe mạnh, bình thường. Anh chị cùng có lời khai xác định, nếu phải ly hôn xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh chị đều có đủ sức khỏe, lao động có khả năng chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu T1 hiện đang ở cùng anh T và có nguyện vọng ở cùng bố còn cháu T2 hiện đang ở cùng mẹ và có nguyện vọng ở cùng mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền nuôi dưỡng con chung và tạo điều kiện ăn ở ổn định cho các cháu, ly hôn,

giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 và giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết và nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị Trần Thị H phải chịu là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H với anh Nguyễn Văn T. Chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là: Nguyễn Văn T1, sinh ngày 22/4/2004 và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 12/4/2009. Ly hôn, giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2, giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản của vợ chồng: Anh chị thống nhất không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị Trần Thị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0008914 ngày 17/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (GCN kết hôn số 03 ngày 11/01/2003);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thanh

